

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 3 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Nhâm;

Ông Vi Hoài Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13/10/2020 về Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Mạc Văn M**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ dân phố Ng N, TT N H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Lục Thị L**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ dân phố Ng N, TT N H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh Mạc Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lục Thị L quen biết, tự nguyện tìm hiểu được gia đình hai bên cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 02/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Th Tg, huyện Na hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng với bố mẹ anh, đến năm 2005 thì ra ở riêng. Anh chị chung sống với nhau lâu chưa có con, năm 2012 anh chị nhận 01 con nuôi là cháu Đỗ Thị B Ng. Sau khi nhận – làm thủ tục theo quy định xong thì anh chị đổi họ cho cháu thành Mạc Thị B Ng. Đến ngày 01/11/2017,

chị L sinh con. Năm 2018 thì anh chị bắt đầu mâu thuẫn vì ghen tuông. Mâu thuẫn xảy ra xung đột làm mất trật tự ở địa phương, ảnh hưởng đến hàng xóm. Anh đã sống ly thân với chị L từ tháng 02/2018. Anh thường xuyên đi ở tại nơi làm công trình, chỉ Tết nguyên đán với về nhà hoặc bố, mẹ ốm với về nhà. Anh không còn tình cảm với chị L, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Mạc Thị B Ng, sinh ngày 02/6/2012 và cháu Mạc Vượng B, sinh ngày 01/11/2017. Ly hôn anh đề nghị chị L nuôi cả 02 con, anh sẽ cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng.

* Về tài sản chung: Có nhà, đất nhưng anh không đề nghị chia. Để cho chị L và các con ở.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, lời trình bày trong phiên hòa giải và tại phiên tòa chị Lục Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quen biết, tìm hiểu, kết hôn, chung sống, có con chung như anh M trình bày là đúng. Mâu thuẫn là từ năm 2017, anh M đi ngoại tình, từ đó anh M xa lánh vợ con và còn nghi ngờ cháu B không phải là con của anh. Anh M đã đi nhiều năm không về nhà. Tòa đã hòa giải nhiều, mẹ anh M khuyên giải nhiều nhưng không được. Anh M xin ly hôn, chị nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Mạc Thị B Ng, sinh ngày 02/6/2012 và cháu Mạc Vượng B, sinh ngày 01/11/2017. Ly hôn chị nhất trí nuôi 02 con như anh M đề nghị, nhất trí anh M cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000đ/ tháng, nhưng yêu cầu anh M cấp dưỡng là theo năm (01 năm 01 lần).

Về tài sản chung: Anh M không đề nghị chia nên chị cũng không đề nghị chia

Về vay, nợ chung: Vợ chồng chị không vay, nợ ai.

Kết quả xác minh: Tổ Trưởng tổ dân phố Ng N – bà Quan Thị Sinh cho biết: Bà biết chị Lục Thị L và anh Mạc Văn M là công dân của tổ dân phố Ng N, là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Ở với nhau nhiều năm nhưng chưa có con nên anh M chị L nhận 01 cháu gái làm con nuôi, năm nay cháu học lớp 3. Năm 2017 chị L sinh một con đẻ. Bà không rõ anh M, chị L có mâu thuẫn gì. Về tài sản chung, vay nợ chung có như thế nào thì bà không rõ.

Cháu Mạc Thị B Ng trình bày muốn ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị:

Xử cho anh Mạc Văn M ly hôn chị Lục Thị L.

Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung của anh Mạc Văn M và chị Lục Thị L: Chị Luận nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung là cháu Mạc Thị B Ng, sinh ngày 02/6/2012 và cháu Mạc Vượng B, sinh ngày 01/11/2017.

Buộc anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L cho mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Vay nợ chung: Các đương sự xác định không có.

Anh Mạc Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng. Chị L, anh M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Anh Mạc Văn M nộp các tài liệu: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); 01 bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của anh Mạc Văn M; bản sao giấy khai sinh của các con.

Tòa án thu thập: Biên bản xác minh với Tổ Trưởng tổ dân phố Ng N; Biên bản xác minh với Trường Tiểu học TT N H; Biên bản xác minh với Trường Mầm non TT N H; Biên bản xác minh với UBND TT N H; Biên bản xác minh với UBND xã Thanh Tương; Biên bản xác minh với UBND xã Kim Phụng, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; Biên bản lấy lời khai cháu Mạc Thị B Ng.

Anh Mạc Văn M và chị Lục Thị L thống nhất thuận tình ly hôn, thống nhất về người nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con nhưng không thống nhất với nhau về phương thức cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Chị Lục Thị L cư trú tại tổ dân phố Ng N, TT N H, huyện Na Hang. Anh Mạc Văn M có đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị giao nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Tòa án thông báo phiên hòa giải để tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thống nhất được tất cả các vấn đề cần giải quyết của vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

[3] Hôn nhân của chị Lục Thị L và Anh Mạc Văn M trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị L, anh M phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân chị L cho rằng anh M quan hệ ngoại tình, bỏ đi không về nhà. Anh M cho rằng chị L nghi ngờ và ghen tuông vô cớ. Anh M, chị L sống ly

thân đã lâu. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh M đã trầm trọng. Cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh M, chị L thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh M, chị L.

[4] Con chung: Chị Lục Thị L và Anh Mạc Văn M có 02 con chung là cháu Mạc Thị B Ng, sinh ngày 02/6/2012 và cháu Mạc Vượng B, sinh ngày 01/11/2017. Chị L, anh M cùng thống nhất chị L nhận nuôi cả 02 con chung. Anh M, chị L cùng thống nhất mức cấp dưỡng - anh M cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ /01 tháng /01 cháu. Xét thấy thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với ý kiến của cháu Ng. Do đó công nhận sự thỏa thuận của anh M, chị L về người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng.

Về phương thức cấp dưỡng: Xét thấy anh M, chị L có nghề lao động tự do, phổ thông, anh M trình bày có thu nhập bình quân 5.000.000đ đến 6.000.000đ/01 tháng. Theo tinh thần Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì phương thức cấp dưỡng là theo tháng. Do đó chấp nhận ý kiến của anh M là cấp dưỡng nuôi con theo phương thức là hàng tháng

Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, vay nợ chung:

Về tài sản chung, anh Mạc Văn M, chị Lục Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đề cập giải quyết.

Chị Lục Thị L và anh Mạc Văn M cùng xác định không có vay nợ chung.

[6] Về án phí: Anh Mạc Văn M phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng.

[7] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mạc Văn M và chị Lục Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận về giao nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lục Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Mạc Thị B Ng, sinh ngày 02/6/2012 và cháu Mạc Vượng B, sinh ngày 01/11/2017. Anh Mạc Văn M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L cho cháu Mạc Thị B Ng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi; cho cháu Mạc Vượng B 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Khoản tiền phải trả, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Tuyên xử:

Chấp nhận đề nghị của anh Mạc Văn M về phương thức cấp dưỡng: Anh Mạc Văn M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lục Thị L theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

4. Về án phí: Anh Mạc Văn M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002212 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Hang. Anh M còn phải nộp tiếp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

5. Chị Lục Thị L, Anh Mạc Văn M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Na Hang;
- UBND TH Tr N H, xã Th T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nhâm Vi Hoài Nam

Phan Anh Thành

